

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ VÀ CẢNH QUAN
CHUYÊN NGÀNH 1: SX VÀ QUẢN LÝ SX TRONG NHÀ CÓ MÁI CHE
CHUYÊN NGÀNH 2: CẢNH QUAN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NH03056: NUÔI ONG MẬT (APICULTURE)

I. Thông tin về học phần

- Học kỳ: 5
 - Số tín chỉ: 2 TC (Lý thuyết: 1,5 – Thực hành: 0,5 - Tự học: 6)
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm/trong nhà lưới: 8 tiết (3 buổi)
 - Giờ tự học: 90 tiết (mỗi tiết 50 phút)
 - Đơn vị phụ trách học phần:
 - Bộ môn: Côn trùng
 - Khoa: Nông học
 - Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 1 <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành 2 <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

- Học phần học song song: (Không)
- Học phần tiên quyết: (Không)
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:*

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chuyên môn	

CĐR2. Ứng dụng KT khoa học và kỹ thuật canh tác cây trồng vào SX các SP RHQ đáp ứng nhu cầu thị trường.	2.2. Ứng dụng kỹ thuật canh tác cây trồng vào xây dựng mô hình kỹ thuật cao /qui trình tiên tiến SX SP RHQ đáp ứng nhu cầu thị trường.
CĐR3. Ứng dụng kiến thức thiết kế, thi công, duy trì CQ đáp ứng các nhu cầu cụ thể về VH, XH, MT và kinh tế.	3.4. Ứng dụng kiến thức về thiết kế cảnh quan vào việc duy trì cảnh quan theo các tiêu chuẩn mỹ thuật và kỹ thuật.
Kỹ năng chuyên môn	
CĐR6. Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn.	6.1. Khảo sát thực tiễn để phát hiện vấn đề cần nghiên cứu.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR10. Thể hiện sự sẵn sàng học tập suốt đời, có tinh thần đổi mới và sáng tạo để đáp ứng với sự thay đổi nhanh của khoa học và công nghệ.	10.2. Sẵn sàng học tập khi có cơ hội học tập, bồi dưỡng kiến thức và năng lực.

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

- Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về:

+ Hình thái – phân loại ong mật, sinh vật học ong mật, cây nguồn mật cho ong, thụ phấn cây trồng nhờ ong,

+ Các kỹ thuật trong nuôi ong, bệnh ong, khai thác – chế biến sản phẩm ong.

- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng về:

+ Thao tác kiểm tra đàn ong mật, quản lý đàn ong (trại ong) theo mùa, kỹ thuật tạo chúa chia đàn, làm cầu ong mới, xác định được bệnh ong, ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật, khai thác và quản chất lượng sản phẩm ong.

+ Phân tích kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực ong mật

- Học phần hình thành cho người học thái độ:

+ Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học ngành ong; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; sẵn sàng học tập suốt đời.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT			
		2.2	3.4	6.1	10.2

NH02037	Côn trùng đại cương	R	R	R	R
---------	---------------------	---	---	---	---

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Ứng dụng kỹ thuật quản lý đàn ong vào xây dựng mô hình kỹ thuật cao /qui trình tiên tiến sản xuất sản phẩm rau hoa quả đáp ứng nhu cầu thị trường.	2.2
K2	Ứng dụng kiến thức về nuôi ong vào việc duy trì cảnh quan theo các tiêu chuẩn mỹ thuật và kỹ thuật.	3.4
Kỹ năng		
K3	Khảo sát thực tiễn để phát hiện vấn đề cần nghiên cứu.	6.1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K4	Sẵn sàng học tập khi có cơ hội học tập, bồi dưỡng kiến thức và năng lực.	10.2

IV. Nội dung văn tắt của học phần

NH03056. Nuôi ong mật (Apiculture)(2TC:1,5-0,5- 6).

(Tổng số tín chỉ: 2. Tổng số tín chỉ lý thuyết: 1,5. Tổng số tín chỉ thực hành: 0,5. Tổng số tín chỉ tự học: 6).

Học phần này gồm: Mở đầu; đặc điểm hình thái; sinh vật học, sinh thái học ong mật; kỹ thuật nuôi ong; bệnh hại ong mật và phòng trị; bảo quản và chế biến sản phẩm ong; di truyền và chọn giống ong mật.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD \ PPGD	K1	K2	K3	K4
Thuyết giảng	x	x		x
Thực hành	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x

2. Phương pháp học tập

- Chú ý nghe giảng, hiểu, vận dụng kiến thức bài giảng vào thực tiễn
- Tìm, đọc những tài liệu liên quan đến môn học
- Chủ động tự học, tăng cường thảo luận nhóm, nâng cao trình độ phân tích các hiện tượng liên quan đến côn trùng.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham gia: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đến lớp ít nhất 75% số tiết lý thuyết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này nên đọc sách tham khảo bài học tiếp theo trước khi đến lớp học.
- Bài tập chuyên đề: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đăng ký và viết 01 chuyên đề về 01 đối tượng côn trùng cụ thể và sẽ trình bày trước lớp vào tuần cuối của môn học.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự 100% số buổi thực hành và hoàn thành tường trình các bài thực hành. Quy mô lớp thực hành 25 sinh viên/5 nhóm (5 sinh viên/nhóm).
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự bài thi cuối kì

VII. Đánh giá và cho điểm

1. **Thang điểm:** 10 điểm

2. **Điểm trung bình của học phần:** là điểm tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric.

3. **Phương pháp đánh giá**

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)					
Rubric 1. Chuyên cần (5%)				x	1-8
Rubric 2. Thực hành (25%)	x	x	x	x	5-7
Rubric 3. Kiểm tra giữa kỳ (10%)	x	x			5
Đánh giá cuối kì (60%)					
Rubric 4. Thi cuối kì (60%)	x	x			Theo lịch thi của Học viện

(Chú ý: khi nộp điểm về Ban QLĐT chỉ nộp 1 đầu điểm cuối cùng, các điểm thành phần được lưu tại Bộ môn để đối chiếu khi cần)

Rubric 1. Chuyên cần (5%)

Tiêu chí	Trọng số	Tốt 8,5 – 10	Khá 6,5 – 8,4	Trung bình 4,0 – 6,4	Kém 0 – 3,9 điểm
----------	----------	-----------------	------------------	-------------------------	---------------------

		điểm	điểm	điểm	
Thời gian tham dự	50	Vắng 1 buổi trừ 2 điểm (không vắng quá 3 buổi)			
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia khi yêu cầu	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/ không tham gia

Rubric 2. Bài thực hành (25%)

Tiêu chí	Trọng số	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thái độ	25	Luôn chú ý và tham gia hoạt động trên lớp	Khá chú ý, có tham gia khi yêu cầu	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý, không tham gia
Thực hiện bài thực hành	50	Thực hiện tốt, nghiêm túc	Thực hiện tốt	Có thực hiện	Không thực hiện
Báo cáo kết quả	25	Đúng, đầy đủ nội dung, sạch đẹp, đúng thời gian	Đầy đủ nội dung, sạch đẹp, nộp muộn	Đầy đủ nội dung, nộp muộn	Thiếu nội dung, nộp muộn

Rubric 3. Kiểm tra giữa kỳ/Tiểu luận (10%)

Dạng bài kiểm tra: bài kiểm tra một tiết hoặc infographic (dạng viết chữ ngắn gọn kết hợp với minh họa bằng hình ảnh/sơ đồ/số liệu)

Tiêu chí	Trọng số	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Nội dung	50	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng	Phân tích chưa rõ ràng
Cấu trúc bài	30	Đẹp, logic	Logic	Một số chưa logic	Không cân đối, thiếu hợp lý
Kỹ năng trình bày	20	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Thiếu rõ ràng

Rubric 4. Đánh giá cuối kỳ (60%)

Dạng bài thi: trắc nghiệm

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
--------	--------------------------

K1	Ứng dụng kỹ thuật quản lý đàn ong vào xây dựng mô hình kỹ thuật cao /qui trình tiên tiến sản xuất sản phẩm rau hoa quả đáp ứng nhu cầu thị trường.
K2	Ứng dụng kiến thức về nuôi ong vào việc duy trì cảnh quan theo các tiêu chuẩn mỹ thuật và kỹ thuật.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp bài tập chậm: tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm sẽ bị trừ 1 điểm.

Tham dự các bài kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ: không tham gia bài kiểm tra và thi sẽ bị điểm 0 cho bài thi đó.

Tham dự thực hành: sinh viên không hoàn thành thực hành sẽ không được thi cuối kỳ.

Yêu cầu về đạo đức: đi học đầy đủ, đúng giờ, tham gia tích cực vào bài học trên lớp, thực hành, thảo luận. Không làm việc riêng, không ngủ, không để điện thoại reo trong giờ học.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình

1. Phạm Hồng Thái (2014), Giáo trình Nuôi ong mật. Nhà xuất bản Nông nghiệp
2. Phạm Hồng Thái (chủ biên), Nguyễn Thị Lan, Nguyễn Đức Khánh (2022), Giáo trình Bệnh ong mật Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Tài liệu tham khảo

3. Phùng Hữu Chính và Vũ Văn Luyện (1999), *Kỹ thuật nuôi ong nội địa Apis cerana ở Việt nam*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.
4. Phùng Hữu Chính (2004). Kỹ thuật nuôi ong nội địa cho người bắt đầu nuôi ong. NXB Lao động và xã hội
5. Ngô Đắc Thắng (2003). Con ong và kỹ thuật nuôi ong nội địa. NXB Nghệ An.
6. Ngô Đắc Thắng (2004). Kỹ thuật nuôi ong nội. NXB Nông nghiệp
7. Thai P H and Toan T V (2018) Beekeeping in Vietnam. Asian Beekeeping in the 21st Century, Springer

IX. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1	Chương 1: Mở đầu	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Vai trò ong mật trong nền kinh tế, môi trường và con người 1.2. Lịch sử của nghề nuôi ong mật	K1, K2
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) + Vai trò ong mật trong nền kinh tế, môi trường và con người + Lịch sử của nghề nuôi ong mật + Ví dụ	K1, K2, K3, K4
2	Chương 2: Đặc điểm hình thái ong mật và phân loại ong mật	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 2.1. Hình thái học ong mật	K1, K2

	2.2. Phân loại học ong mật	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) + Hình thái học ong mật + Phân loại học ong mật + Ví dụ	K1, K2, K3, K4
	Chương 3: Sinh vật học	
3	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 3.1. Sự phát triển của ong chúa, ong đực và ong thợ 3.2. Tập tính xã hội và sự điều hòa hoạt động của đàn ong Nội dung tiểu luận: (1 tiết) Trình bày tiểu luận sinh học ong mật	K1, K2
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) + Sự phát triển của ong chúa, ong đực và ong thợ + Tập tính xã hội và sự điều hòa hoạt động của đàn ong	K1, K2, K3, K4
	Chương 4: Sinh thái học ong mật	
4	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 4.1. Nguồn thức ăn của ong mật 4.2. Thụ phấn cây trồng Nội dung tiểu luận: (1 tiết) Trình bày tiểu luận Thụ phấn cây trồng	K1, K2
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) + Nguồn thức ăn của ong mật + Thụ phấn cây trồng	K1, K2, K3, K4
	Chương 5: Kỹ thuật nuôi ong mật	
5	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 5.1. Kỹ thuật nuôi ong cơ bản 5.2. Kỹ thuật nuôi ong hiện đại Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (8 tiết) Thực hành kỹ thuật nuôi ong cơ bản	K1, K2, K3, K4
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) + Kỹ thuật nuôi ong cơ bản + Kỹ thuật nuôi ong hiện đại	K1, K2, K3, K4
	Chương 6: Bệnh hại ong mật và phòng trị	
6	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 6.1. Vi rút hại ong mật 6.2. Vi khuẩn hại ong mật 6.3. Nấm hại ong mật Nội dung tiểu luận: (1 tiết) Trình bày tiểu luận Bệnh hại ong mật và cách phòng trị	K1, K2

	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) + Bệnh hại ong mật và phòng trị + Ví dụ	K1, K2, K3, K4
7	Chương 7: Khai thác, bảo quản và chế biến sản phẩm ong	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 7.1. Khai thác, bảo quản và chế biến mật ong 7.2. Khai thác, bảo quản và chế biến phân hoa 7.3. Khai thác, bảo quản và chế biến sữa ong chúa Nội dung tiểu luận: (1 tiết) Trình bày tiểu luận sản phẩm ong	K1, K2
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Khai thác, bảo quản và chế biến sản phẩm ong	K1, K2, K3, K4
8	Chương 8: Di truyền và chọn giống ong mật	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 8.1. Di truyền học ong mật 8.2. Chọn giống ong mật	K1, K2
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Di truyền và chọn giống ong mật	K1, K2, K3, K4

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: giảng đường bố trí 60- 80 sinh viên/lớp.
- Phòng thực hành 20 – 25 SV, có nối mạng Internet, kính lúp hai mắt soi nổi, kính hiển vi, panh, kéo, túi nilon, cùn loăng ...), bộ mẫu tiêu bản, tranh ảnh.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Projector, mạng Internet, kính hiển vi, kính lúp hai mắt soi nổi
- Các phương tiện khác:...
- E- learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

Hà Nội, ngày..20..tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Đức Tung
TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)


PGS.TS. Ninh Thị Phíp

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Hồng Thái
GIÁM ĐỐC


HỌC VIỆN
NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM
PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Hồng Thái	Học hàm, học vị: PGS.TS.
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Côn trùng, khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0904147845
Email: phthai@vnua.edu.vn	Trang web: http://nonghoc.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Email, điện thoại, gặp trực tiếp tại bộ môn	

Giảng viên phụ trách dạy học phần

Họ và tên: Lê Ngọc Anh	Học hàm, học vị: PGS.TS.
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Côn trùng, khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 090 229 0650
Email: lengocanh@vnua.edu.vn	Trang web: http://nonghoc.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Email, điện thoại, gặp trực tiếp tại bộ môn	

Giảng viên phụ trách dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Đức Khánh	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Côn trùng, khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 098 955 9660
Email: ndkhanh@vnua.edu.vn	Trang web: http://nonghoc.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Email, điện thoại, gặp trực tiếp tại bộ môn	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMD, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMD	K1	K2	K3	K4
DẠY VÀ HỌC				
Thuyết giảng	x	x		
Thực hành	x	x	x	x
Thảo luận	x	x		x
ĐÁNH GIÁ				
Rubric 1. Chuyên cần (5%)				x
Rubric 2. Thực hành (25%)	x	x	x	x
Rubric 3. Kiểm tra giữa kỳ (10%)	x	x		
Rubric 4. Thi cuối kì (60%)	x	x		

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2018

Cập nhật CĐR, chuyển tải CĐR vào môn học.

Cải tiến phương pháp đánh giá theo rubric

Sắp xếp lại nội dung phù hợp với đáp giá theo chuẩn đầu ra và rubric.

- Lần 2: 7/ 2019

Bổ sung thêm học liệu e-learning (cập nhật nội dung, tương tác với sinh viên).

Cập nhật nội dung và kiến thức học phần, bài giảng.

- Lần 3: 7/ 2020

Bổ sung phương pháp giảng dạy online như sử dụng phần mềm MS Teams.

Cải tiến các bài giảng trình chiếu online.

- Lần 4: 7/ 2021

Hoàn thiện phương pháp giảng dạy online.

Bổ sung phương pháp đánh giá, thi online.